

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-PT

Ngày: 23 - 5 - 2022

V/v: Tranh chấp quyền về lối
đi qua bất động sản liền kề

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021, về “Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2020/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: số A, đường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Đinh N, sinh năm: 1967

Địa chỉ: khu vực C, phường F, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn K, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Số 11, đường 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ N, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: khu vực C, phường F, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông Ngô B, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đường N, khu vực N, phường H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô B: Bà Nguyễn K, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Số 11, đường 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phan T trình bày tóm tắt như sau: Năm 2019 ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn P toàn bộ thửa đất số 1050, tờ bản đồ số 18, diện tích 314,9m², loại đất trồng cây lâu năm, có căn nhà cấp 4 trên đất, đất ông nhận chuyển nhượng không có lối đi ra đường công cộng do bị vây bọc bởi các thửa đất khác, do người khác đứng tên chủ sử dụng, khi nhận chuyển nhượng thì ông vẫn biết đất không có lối đi nhưng chấp nhận nhận chuyển nhượng. Do khi chuyển nhượng cho ông thì ông Q có nói với ông sẽ thuyết phục ông Đinh N cho ông sử dụng luôn phần đất phía trước của ông N tiếp giáp đất ông có diện tích ngang 6m dài 11,52m) để làm lối đi vào ra đường Trần Q nhưng khi ông làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên đất xong rào lại phần đất trước nhà nên ông không còn lối đi vào ra đường công cộng, ông có gặp ông N với ý định thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại phần đất phía trước này để làm lối đi nhưng ông N không đồng ý.

Do đó, ông khởi kiện ông N có trách nhiệm mở cho ông lối đi khoảng 70m² (diện tích ngang 6m dài 11,52m), sau đó ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu đối với ông N, chỉ yêu cầu mở cho một lối đi diện tích 23m² thuộc một phần thửa 152, tờ bản đồ số 18, loại đất cây lâu năm, vị trí đất tại khu vực 6, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Kích thước, tứ cận như sau: ngang trước 2 mét giáp đường Trần Q, ngang sau 2 mét giáp thửa đất 1050, dài cạnh giáp đất ông Nguyễn V là 11,50 mét, dài cạnh giáp thửa đất 152 là 11,50 mét.

Khi được mở lối đi ông tự nguyện đền bù giá trị đất cho ông Đinh N số tiền 2.000.000 đồng/1m² x 23m² = 46.000.000 đồng và tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị phần hàng rào ông Ngô B đã đầu tư trên phần đất mà ông được mở lối đi theo kết quả định giá của cơ quan chuyên môn và ông sẽ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí tố tụng.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Đinh N trình bày tóm tắt như sau: Phần đất ông Phan T khởi kiện yêu cầu ông mở lối đi mặc dù ông còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông và vợ là Võ N đã chuyển nhượng cho ông Ngô B và đã giao cho ông B sử dụng trên thực tế nên ông không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với phần đất này. Ông T muốn mở lối đi thì tự thỏa thuận với

ông B; trường hợp Tòa án chấp nhận mở lối đi cho ông T thì tiền đền bù đất ông T trả cho ông B, ông không có yêu cầu được nhận tiền và cũng không yêu cầu gì trong vụ án này, phần hàng rào trên đất yêu cầu mở lối đi là do ông B rào, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong vụ án này.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ N có trình bày tóm tắt như sau: Phần đất ông T kiện yêu cầu mở lối đi, bà và ông N đã chuyển nhượng cho ông Ngô B, bà không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì đến phần đất này; ông T với ông B tự thỏa thuận giải quyết với nhau, bà không có ý kiến cũng như không có yêu cầu gì, đề nghị xét xử vắng mặt bà trong vụ án này.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô B có trình bày tóm tắt như sau: Phần đất ông Phan T yêu cầu mở lối đi ông đã nhận chuyển nhượng từ ông N, bà Nương, có hợp đồng bằng văn bản, chưa công chứng, chứng thực. Mục đích ông nhận chuyển nhượng là để sử dụng nên ông không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu khởi kiện của ông T, hàng rào trên phần đất ông T yêu cầu mở lối đi là do ông rào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2020/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan T. Buộc ông Đinh N, bà Võ N và ông Ngô B cùng có trách nhiệm dành cho ông Phan T một lối đi trên phần đất có diện tích 23m², thuộc một phần thửa 152, loại đất CLN, tọa lạc tại KV A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 355229, sổ vào sổ cấp GCN: CS 08014 do ông Đinh N đứng tên người sử dụng đất. Với vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao cụ thể như sau: chiều rộng thứ nhất giáp với đường Trần Q tính từ đất ông Nguyễn V đo qua có số đo là 2m; chiều rộng thứ hai giáp với thửa đất 1050 của ông Phan T đo qua có số đo là 2m; chiều dài thứ nhất giáp với đất của ông Nguyễn V có số đo là 11,50m; chiều dài thứ hai giáp với thửa đất số 152 do ông Đinh N đứng tên trên giấy chứng nhận có số đo là 11,50m; chiều cao là toàn bộ khoảng không tính từ mặt đất của phần đất dành mở lối đi chiếu thẳng lên phía trên không. Phần đất ông Phan T được dành lối đi được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính số: 71-2020 ngày 28/7/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Hiện Đại – Chi nhánh Hậu Giang là một phần vị trí (I) và được ký hiệu trong trang thuyết minh của Mảnh trích đo địa chính là vị trí (M). Buộc ông Ngô B có trách nhiệm tháo dỡ phần hàng rào có diện tích 2,325m², có kết cấu: trụ bê tông cốt thép đúc sẵn, rào lưới B40 do ông B đầu tư trên đất ông Phan T được dành lối đi, để giao đất trống cho ông Phan T sử dụng.

Có Mảnh trích đo địa chính và trang thuyết minh kèm theo bản án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan T cụ thể như sau: ông Phan T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất và công trình trên phần đất ông T được dành lối đi cho ông Ngô B với số tiền là 46.174.000đ (Bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan T về việc yêu cầu được dành lối đi qua phần đất có diện tích 47m², thuộc một phần thửa đất số 152 do ông Đinh N đứng tên trên giấy chứng nhận.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 177/2020/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang yêu cầu cấp phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan T đối với chủ đất của ông mua và ông không có trách nhiệm liên quan gì đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phan T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận mở lối đi cho ông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như tại cấp sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý mở lối đi cho ông Phan T. Bởi vì, trước khi ông Phan T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn P đã biết không có lối đi nhưng vẫn cố tình nhận chuyển nhượng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết ông Phan T chỉ có yêu cầu ông Đinh N mở lối đi nhưng cấp sơ thẩm buộc ông B có trách nhiệm liên đới là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Ông Nguyễn P là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan T không có lối đi thì ông Phan T phải khởi kiện đối với ông Nguyễn P. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ngô B, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô B; theo hướng mở lối đi cho ông Phan T với chiều ngang 01 mét, chiều dài 11,5 mét và ông Phan T có trách nhiệm trả giá trị phần đất được mở lối đi cho ông Ngô B theo kết quả định giá, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông T tự nguyện chịu bồi thường giá trị là 2.000.000 đồng/01m² đây là sự tự nguyện của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào kết quả đo đạc, thẩm định thực tế của cấp sơ thẩm và chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy: Ông Phan T là chủ sở hữu hợp pháp thửa đất số 1050, tờ bản đồ số 18, diện tích 314,9m², loại đất trồng cây lâu năm, có căn nhà cấp 4 trên đất và thửa 1098, tờ bản đồ số 18, diện tích 205,4m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN), đất tại khu vực 6, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nhưng bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác là Lê Thị Mỹ Linh, Đinh N, Nguyễn V, Lê TH. Thực tế để vào ra được đường công cộng gia đình ông Phan T chỉ có thể đi qua một là phần đất của ông Ngô B (nhận chuyển nhượng lại từ vợ chồng ông Đinh N) là đường từ trước khi ông Nguyễn P chuyển nhượng cho ông Phan T đã được ông Đinh N cho đi nhờ, hai là phần đất của ông Nguyễn V, bà Nguyễn KH.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô B cho rằng có thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán và đặt cọc mua phần quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn V và bà Nguyễn KH (cung cấp bản photo) và đồng ý mở lối đi tại phần đất này cho ông Phan T. Tuy nhiên, bà Nguyễn KH không thừa nhận có việc thỏa thuận như trên và không có biết ông Ngô B. Xét thấy, hiện nay ông Nguyễn V và bà Nguyễn KH đang tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn TH tại phần đất nêu trên nên, trong vụ án này Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan T.

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Phan T là cần thiết, căn cứ tại đoạn 2 khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định “*Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi*”. Tuy nhiên, cần xem xét diện tích mở lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của

bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh diện tích mở lối đi cho nguyên đơn chỉ chấp nhận với diện tích 11,50m²: chiều rộng thứ nhất giáp với đường Trần Q tính từ đất ông Nguyễn V đo qua có số đo là 01 mét; chiều rộng thứ hai giáp với thửa đất 1050 của ông Phan T đo qua có số đo là 01 mét; chiều dài thứ nhất giáp với đất của ông Nguyễn V có số đo là 11,50 mét; chiều dài thứ hai giáp với thửa đất số 152 do ông Đinh N đứng tên trên giấy chứng nhận có số đo là 11,5 mét; chiều cao là toàn bộ khoảng không tính từ mặt đất của phần đất dành mở lối đi chiếu thẳng lên phía trên không.

[3] Về việc đền bù cho chủ bất động sản chịu hưởng quyền: Đoạn 3 khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định “*Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Như vậy, ông Phan T được hưởng quyền thì phải đền bù cho phía bên ông Đinh N một khoản tiền, do các bên không thỏa thuận được giá trị đền bù nên cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định giá trị đất theo giá thị trường để làm cơ sở xác định khoản tiền mà ông Phan T phải đền bù. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất thì giá đất theo thị trường tại thời điểm định giá là 1.554.000 đồng/1m². Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Phan T tự nguyện đền bù với số tiền 2.000.000 đồng/1m² cho chủ sở hữu chịu hưởng quyền nên Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận.

[4] Đối với người có nghĩa vụ mở lối đi và được nhận tiền đền bù: chủ sử dụng đất là ông Đinh N (vợ là bà Võ N) thừa nhận đã chuyển nhượng phần đất trên cho ông Ngô B; ông N, bà Nương cho rằng không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì trên phần đất này và có ý kiến nếu nguyên đơn muốn mở lối đi thì thỏa thuận với ông B, tiền đền bù thì trả cho ông B. Xét thấy, việc chuyển nhượng ông B đã giao đủ tiền và ông N bà Nương đã giao đất cho ông B sử dụng; ông N, bà Nương không tranh chấp hợp đồng và số tiền đền bù mà đề nghị trả cho ông B là có cơ sở nên cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông N bà Nương và ông B cùng có nghĩa vụ mở lối đi cho nguyên đơn là phù hợp; về nghĩa vụ đền bù thì ông N, bà Nương đề nghị ông Phan T đền bù cho ông B là phù hợp. Nếu sau này giữa ông Đinh N, bà Võ N với ông Ngô B có phát sinh tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng và tranh chấp số tiền đền bù để được mở lối đi của ông Phan T thì sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Phan T và một phần kháng cáo của ông Ngô B, quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313, các Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 245, Điều 254, Điều 256, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô B.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan T.

Buộc ông Đinh N, bà Võ N và ông Ngô B cùng có trách nhiệm dành cho ông Phan T một lối đi trên phần đất có diện tích 11,50m² và buộc ông Ngô B có trách nhiệm tháo dỡ phần hàng rào, được ký hiệu trong trang thuyết minh của Mảnh trích đo địa chính là vị trí (M); thuộc một phần thửa 152, loại đất CLN, tọa lạc tại KV A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 355229, số vào sổ cấp GCN: CS 08014 do ông Đinh N đứng tên người sử dụng đất cho ông Phan T. (Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số: 71-2020 ngày 28/7/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Hiện Đại – Chi nhánh Hậu Giang).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên phần đất cho ông Ngô B với số tiền là 23.087.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải đền bù cho người được thi hành án) cho khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan T về việc yêu cầu được dành lối đi qua phần đất có diện tích 47m², thuộc một phần thửa đất số 152 do ông Đinh N đứng tên trên giấy chứng nhận.

5. Nếu sau này giữa ông Đinh N, bà Võ N với ông Ngô B có phát sinh tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp số tiền đền bù

để được mở lối đi của ông Phan T sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí, lệ phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: 4.700.000 đồng nguyên đơn ông Phan T tự nguyện chịu nên ghi nhận (nguyên đơn đã nộp xong).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan T phải chịu 1.154.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Phan T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003159 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông Phan T còn phải nộp thêm 854.000 đồng.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Ngô B được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006206 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 23/5/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND Tp. V;
- Chi cục THADS Tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh